

Thường vụ Hội đồng bộ trưởng và các ngành trung ương, mỗi năm phải vào làm việc với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long từ một đến hai lần để kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết số 148-CP.

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 1982  
T.M. Hội đồng bộ trưởng  
K.T. Chủ tịch  
Phó chủ tịch  
TỔ HỮU

các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 1982  
T.M. Hội đồng bộ trưởng  
K.T. Chủ tịch  
Phó chủ tịch  
TỔ HỮU

**QUYẾT ĐỊNH số 163-HĐBT ngày 23-9-1982 về thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam thuộc dân tộc ít người.**

### HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ vào điểm 4, điều 14, chương II Luật nghĩa vụ quân sự;

Theo đề nghị của bộ trưởng Bộ Quốc phòng và chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc của Chính phủ,

### QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Những hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam thuộc 47 dân tộc ít người (ghi trong danh mục kèm theo quyết định này) được phục vụ tại ngũ trong thời hạn là 2 năm (hai năm).

Điều 2. — Bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng, bộ trưởng các Bộ, chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng

**DANH MỤC của 47 dân tộc có thời hạn phục vụ tại ngũ là hai năm**

(ban hành kèm theo quyết định số 163-HĐBT ngày 23-9-1982 của Hội đồng bộ trưởng).

- |                       |                  |
|-----------------------|------------------|
| 1. Mông (Mèo, Mẹo)    | 20. Thổ          |
| 2. Dao                | 21. Mạ           |
| 3. Gia Rai            | 22. Tà ôi (Pacô) |
| 4. E Đê               | 23. Co           |
| 5. Ba nar             | 24. Kháng        |
| 6. Cao Lan — Sán chay | 25. Hà Nhi       |
| 7. Chăn (Chàm)        | 26. Xinh Mun     |
| 8. Xê Đăng            | 27. Châu Ro      |
| 9. Cơ Ho              | 28. Chu Ru       |
| 10. H'Ré              | 29. Lào          |
| 11. Sán Diu           | 30. La Chí       |
| 12. Raglai            | 31. Phù Lá       |
| 13. Mnông             | 32. La Hụ        |
| 14. S'tiêng           | 33. La Ha        |
| 15. Bru-vân kiều      | 34. Lự           |
| 16. Dáy               | 35. Lô Lô        |
| 17. Ka tu             | 36. Pà Thên      |
| 18. Khơ mú (Xá, Tinh) | 37. Mảng         |
| 19. Dié tiêng         | 38. Chứt         |

- |            |            |
|------------|------------|
| 39. Bó y   | 44. Pupiéo |
| 40. Ngái   | 45. O Đu   |
| 41. Cơ Lao | 46. B'Râu  |
| 42. Cống   | 47. R'năm  |
| 43. Xi La  |            |

T.M. Hội đồng bộ trưởng  
K.T. Chủ tịch  
Phó chủ tịch  
**TỔ HỮU**

**NGHỊ ĐỊNH số 165 - HDBT ngày 23-9-1982 ban hành biểu lãi suất tiền gửi và cho vay của Ngân hàng Nhà nước và hợp tác xã tín dụng.**

### HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

*Đề động viên, khuyến khích các đơn vị kinh tế và nhân dân gửi các khoản vốn tiền tệ nhàn rỗi vào Ngân hàng Nhà nước và hợp tác xã tín dụng;*

*Đề thúc đẩy việc tăng cường quản lý và sử dụng vốn theo nguyên tắc hạch toán kinh tế;*

*Căn cứ đề nghị của tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước và bộ trưởng Bộ Tài chính,*

### NGHỊ ĐỊNH

**Điều 1.** — Ban hành kèm theo nghị định này biểu lãi suất tiền gửi và cho vay của Ngân hàng Nhà nước và hợp tác xã tín dụng.

Biểu lãi suất này thi hành từ ngày 1 tháng 10 năm 1982, thay thế biểu lãi suất đã ban hành trước đây.

Các khoản cho vay từ các năm trước, tháng trước chuyển sang, kể từ ngày 1 tháng 10 năm 1982, cùng tính lãi theo biểu lãi suất này.

**Điều 2.** — Thuởng tiền bằng 100% (một trăm phần trăm) số dư tiền gửi tiết kiệm đến ngày 31 tháng 5 năm 1981.

Tiền thuởng này sau 5 năm mới linh ra và được hưởng lãi suất theo thẻ thức tiền gửi tiết kiệm dài hạn 5 năm. Nếu cần chi tiêu, người gửi được rút số tiền lãi được hưởng.

Hàng năm, với sự thỏa thuận của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước được giữ lại một phần trong số lợi nhuận phải nộp vào Ngân sách Nhà nước để làm vốn trả lãi và thanh toán tiền thuởng cho người gửi tiền tiết kiệm.

**Điều 3.** — Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn thi hành nghị định này và căn cứ biểu lãi suất kèm theo nghị định này để quy định mức lãi suất cụ thể đối với từng ngành, từng đối tượng.

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 1982  
T.M. Hội đồng bộ trưởng  
K.T. Chủ tịch  
Phó chủ tịch  
**TỔ HỮU**

**BIỂU lãi suất tiền gửi và cho vay (ban hành theo nghị định số 165-HDBT ngày 23-9-1982 của Hội đồng bộ trưởng).**

### I. LÃI SUẤT CỦA NGÂN HÀNG

Lãi suất	
hàng năm	
	<u>          </u>
	%

#### 1. Lãi suất trả tiền gửi:

— Đối với các tổ chức kinh tế quốc doanh

1,8 — 3